UBND HUYỆN GÒ DẦU **Biểu số 93/CK-NSNN**

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN 6 THÁNG NĂM 2023

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện 6 tháng	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	**TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**	**240.000**	**730.734**	**304,47**	**358,03**
I	**Thu cân đối NSNN**	**240.000**	**174.238**	**72,60**	**85,37**
1	Thu nội địa	240.000	174.238	72,60	85,37
2	Thu viện trợ				
II	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**		**556.496**		**225,61**
B	**TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN**	**572.943**	**237.360**	**41,43**	**72,37**
I	**Tổng chi cân đối ngân sách huyện**	**495.414**	**204.351**	**41,25**	**96,75**
1	Chi đầu tư phát triển	84.340	35.442	42,02	
2	Chi thường xuyên	401.469	168.909	42,07	89,15
3	Dự phòng ngân sách	9.605	-	-	
II	**Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉ**	**77.283**	**33.009**	**42,71**	**28,27**

Gò Dầu, ngày 10 tháng 7 năm 2023

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Nhu

UBND HUYỆN GÒ DẦU **Biểu số 94/CK-NSNN**

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG NĂM 2023

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện 6 tháng	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	**TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**	**240.000**	**174.238**	**72,60**	**85,37**
I	**Thu nội địa**	**240.000**	**174.238**	**72,60**	**85,37**
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước		27.408		
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	54.000		-	-
4	Thuế thu nhập cá nhân	58.000	30.780	53,07	83,37
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	39.000	13.230	33,92	61,89
7	Thu phí, lệ phí	4.400	2.930	66,59	92,46
8	Các khoản thu về nhà, đất	72.000	89.938	124,91	81,87
-	*Thuế sử dụng đất nông nghiệp*		*84*		20,69
-	*Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp*	*1.400*	*636*	*45,43*	69,81
-	*Thu tiền sử dụng đất*	*70.050*	*89.174*	*127,30*	82,39
-	*Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước*	*550*	*44*	*8,00*	14,43
-	*Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước*				
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
10	Thu khác ngân sách	12.500	9.952	79,62	133,98
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	100			
II	**Thu viện trợ**				
B	**THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP**	**417.200**	**387.786**	**92,95**	**138,31**
1	Từ các khoản thu phân chia	342.530	287.432	83,91	174,33
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 10	74.670	100.354	134,40	86,89

Gò Dầu, ngày 10 tháng 7 năm 2023

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Nhu

UBND HUYỆN GÒ DẦU **Biểu số 95/CK-NSNN**

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN 6 THÁNG NĂM 2023

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện 6 tháng	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	**572.943**	**237.360**	**41,43**	**72,37**
A	**CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN**	**495.660**	**204.351**	**41,23**	**96,75**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**84.340**	**35.442**	**42,02**	**162,94**
1	Chi đầu tư cho các dự án	82.340	33.442	40,61	400,41
2	Chi đầu tư phát triển khác	2.000	2.000	100,00	
II	**Chi thường xuyên**	**401.469**	**168.909**	**42,07**	**89,15**
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề		*89.904*		104,36
2	Chi khoa học và công nghệ		*10*		333,33
3	Chi y tế, dân số và gia đình		*1.824*		
4	Chi văn hóa thông tin		*1.816*		#DIV/0!
5	Chi phát thanh, truyền hình				
6	Chi thể dục thể thao				-
7	Chi bảo vệ môi trường		*9*		
8	Chi hoạt động kinh tế		*7.161*		41,31
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể		*14.452*		104,63
10	Chi bảo đảm xã hội		*22.982*		102,29
III	**Dự phòng ngân sách**	**9.605**		**-**	
B	**CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN**	**77.283**	**33.009**	**42,71**	**28,27**
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	17.048			
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	45.000	29.526		26,42
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyê	15.235	3.483	22,86	69,91

Gò Dầu, ngày 10 tháng 7 năm 2023

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Nhu